TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2021
V/v: *Không công nhận vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Minh Phấn và ông Phạm Xuân Thành.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đức - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thi Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình H, sinh năm: 1969. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường ĐH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
- Bị đơn: Bà Văn Thị H1, sinh năm: 1973; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn TT 2, xã TH, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Đình H trình bày: Ông và bà Văn Thị H1 tự nguyện tìm hiểu về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và cũng không cưới hỏi theo phong tục. Vợ chồng chung sống với nhau tại thôn TT2, xã TH, huyện H nhưng chưa nhập chung hộ khẩu. Quá trình chung sống có 01 con chung là Lê Đình D – sinh năm: 1994. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, sau nhiều lần hòa giải không được nên ông và bà H1 quyết định sống mỗi người một nơi từ năm 1998 cho đến nay không quan tâm chăm sóc nhau. Do không còn tình cảm với bà H1 nên ông nộp đơn xin ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H1 theo quy định của pháp luật.

Con chung là Lê Đình D – sinh ngày: 15/3/1994 đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Văn Thị H1 trình bày: Bà đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày của ông H về việc vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn cũng như về con chung, tài sản và nợ chung. Bà xác nhận từ năm 1998 đến nay bà và ông H không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn nên ông H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng bà cũng đồng ý. Con chung hiện nay đã trưởng thành và lao động tự túc nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến. Cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất về thời gian không còn chung sống với nhau là từ năm 1995 cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng luôn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Do ông Lê Đình H và bà Văn Thị H1 chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1995 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông H nộp đơn ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà H1 nên theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thông tư 01/2016/TTLT-TATC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với ông H và bà H1.

Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Đình H yêu cầu ly hôn đối với bà Văn Thị H1; ông H, bà H1 chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Ninh Hải. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Không công nhận vợ chồng*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Tống đạt văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ các đương sự không có ý kiến gì.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình H và bà Văn Thị H1 đã chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1995 và có 01 con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do tình cảm không còn nên ông H làm đơn ly hôn với bà H1 và yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H1. Chính quyền địa phương nơi bà H1 và ông H sinh sống là Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Ninh H, tỉnh Ninh Thuận và Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận đều xác nhận ông Lê Đình H và bà Văn Thị H1 chưa đăng ký kết hôn.

Xét thấy: Do ông Lê Đình H và bà Văn Thi H1 chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Như vậy quan hệ giữa ông H và bà H1 chỉ là chung sống như vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông H yêu cầu ly hôn bà H1, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 13 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 giữa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp, HĐXX tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với ông H và bà H1.

Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Đình H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 13 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 giữa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình H đối với bị đơn bà Văn Thị H1.

1. Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa ông Lê Đình H và bà Văn Thị H1.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Đình H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0003159 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2021)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
-VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế